

	2024	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31										
Aug	13														G	G	K/A				K/A	K/A	SB										13									
		v31				v32				v33				v34				v35																								
Sep	22																																	21								
		v36				v37				v38				v39																												
Okt	21																																	23								
		v40				v41				v42				v43				v44																								
Nov																																		20								
		v45				v46				v47				v48																												
Dec																																		15								
		v49				v50				v51				v52																												
2025																																		19								
Jan																																										
		v1				v2				v3				v4				v5																								
Feb																																		20								
		v6				v7				v8				v9																												
Mar																																		16								
		v10				v11				v12				v13																												
Apr																																		16								
		v14				v15				v16				v17				v18																								
Maj																																		18								
		v19				v20				v21				v22																												
Jun																																		13								
		v23				v24				v25				v26																												
		Sön- och helgdag				L = Ledigt				SS = Skolan slutar				K/A= I kompetensarbete																												
		Lördag				SB = Skolan börjar				G = Gemensamma arbetsdagar																																